

MẶT TRẬN QUÂN SỰ VÀ NGOẠI GIAO NĂM 1972 NỬA THẾ KỶ NHÌN LẠI

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS NGUYỄN THỊ NGỌC MAI

Học viện Chính trị khu vực I

Ngày nhận:

22-1-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

19-2-2022

Ngày duyệt đăng:

7-3-2022

Tóm tắt: Cách đây 50 năm, năm 1972 đã diễn ra đấu tranh quân sự vô cùng ác liệt cả ở chiến trường miền Nam và miền Bắc, đồng thời mặt trận ngoại giao cũng rất căng thẳng, phức tạp. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam với ba chiến dịch lớn: Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Mỹ gây chiến tranh phá hoại lần thứ 2 với miền Bắc, đỉnh cao là dùng B.52 đánh Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972. Mặt trận quân sự và ngoại giao trên bàn đàm phán ở Paris có quan hệ mật thiết. Thắng lợi về quân sự và sự hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sĩ cả nước, đặc biệt là trận "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không" (12-1972) đã buộc Mỹ trở lại đàm phán, ký Hiệp định Paris (27-1-1973) rút hết quân Mỹ về nước (29-3-1973). Thắng lợi đó tạo thế và lực mới đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn năm 1975.

Từ khóa:

Tổng tiến công, nổi dậy 1972; cuộc đàm phán Paris về Việt Nam.

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, cuối năm 1970, đầu năm 1971, thế và lực của cách mạng Việt Nam ở miền Nam đã có sự khôi phục và phát triển rất quan trọng. Chiến thắng trong Chiến dịch Đường 9 Nam Lào từ ngày 30-1 đến ngày 23-3-1971 đã khẳng định điều đó. Sự thảm bại của chính quyền Sài Gòn trong chiến dịch đó cho

thấy chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ không thể đứng vững. Sau chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ (từ ngày 5-8-1964 đến ngày 1-11-1968), miền Bắc cũng đã phục hồi về mọi mặt. Trong điều kiện đó, HNTU 19 khóa III (3-1971) đã có những quyết sách rất quan trọng.

Trung ương khẳng định, chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng,

toàn quân và toàn dân ta lúc này. Phải động viên sự cố gắng cao nhất của cả hai miền, thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến với ý chí quyết chiến, quyết thắng tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế. “*Quân và dân miền Nam phải đập tan kế hoạch “bình định”, đánh bại kế hoạch “Việt Nam hóa” chiến tranh của địch, làm nguy quân, nguy quyền phải sụp đổ và buộc đế quốc Mỹ phải rút nhanh, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam nước ta, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn*”¹.

Sau cuộc đảo chính ngày 18-3-1970 ở Campuchia và việc Mỹ xâm lược Campuchia, khối đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương đã hình thành với mục tiêu đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi bán đảo Đông Dương. Đảng chủ trương không ngừng phấn đấu góp phần tăng cường đoàn kết trong phe XHCN.

Những quan điểm cơ bản của HNTU 19 khóa III đã thể hiện quyết tâm chiến lược của Đảng là đẩy mạnh cả mặt trận quân sự và mặt trận ngoại giao, buộc Mỹ và các nước chư hầu (đồng minh của Mỹ) rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, tiến lên đánh đổ hoàn toàn nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước. Toàn bộ tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến đã xác định rõ, cả mặt trận quân sự và đấu tranh ngoại giao trong cuộc đàm phán ở Paris phải thực hiện theo sự chỉ đạo đó và năm 1972 có tầm quan trọng đặc biệt.

Đầu năm 1972, quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị rất rõ ràng trong chủ trương mở cuộc tổng tấn công trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao để làm thất bại chính sách

“Việt Nam hóa chiến tranh” của địch. Ngày 27-3-1972, trong bức Điện số 119, Bộ Chính trị đã phân tích sâu sắc so sánh lực lượng và quyết định: “lần này ta sẽ đánh khắp trên các chiến trường với ba quả đấm chiến lược kết hợp cả ba thứ quân và ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược trong một thời gian liên tục, nên nhất định địch sẽ bị thất bại lớn hơn nữa. Với những đòn chủ lực mạnh, lần này nếu ta thu được thắng lợi lớn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đánh phá bình định và phong trào nổi dậy ở các đô thị phát triển mạnh mẽ và làm cho hàng ngũ địch sẽ có những bước tan rã lớn. Rõ ràng ta đang ở thế thắng, thế chủ động, đi lên, mà địch thì đang ở thế thua, thế bị động, đi xuống. Ta có nhiều khả năng thu được thắng lợi lớn trong thời gian tới”².

Bộ Chính trị nêu rõ mục tiêu và phương thức tiến hành: “nắm vững thời cơ mới và khả năng mới, Bộ Chính trị hạ quyết tâm kết hợp cả ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao làm thất bại về cơ bản chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, vừa tấn công và nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận lực lượng địch, giải phóng phần lớn nông thôn, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy ở các đô thị, để giành thắng lợi quyết định trong năm 1972”³. Bộ Chính trị nhấn mạnh giải quyết vấn đề của ta cả trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán, cần chú ý đặc điểm của cuộc tấn công lần này của ta, “Từ khi Mỹ tiến hành cuộc “chiến tranh cục bộ” đến nay, ta mới mở một cuộc tổng tấn công và nổi dậy toàn diện hồi Tết Mậu Thân năm 1968. Lần này ta cũng lại mở một cuộc tấn công và nổi dậy nữa... Nhưng cuộc tổng tấn công lần này khác với cuộc tổng tấn công hồi Tết Mậu Thân năm 1968 về mục đích, yêu cầu, nội dung và cả về quy mô cao hơn trước.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đã đánh bại một bước quan trọng lực lượng của Mỹ - ngụy buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, rút quân từng bước và đi vào đàm phán. Nhưng yêu cầu của cuộc tấn công lần này là phải đánh bại về cơ bản “Việt Nam hóa chiến tranh”, tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận lực lượng vũ trang của ngụy, giải phóng đại bộ phận nông thôn, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng ở các đô thị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao buộc địch phải chịu thua và phải đáp ứng với các yêu cầu của ta để giành thắng lợi quyết định”⁴. Phát huy tất cả sức mạnh của chủ lực ta. Một đặc điểm nữa của cuộc tiến công lần này của ta là đánh liên tục trong một thời gian dài từ hết Xuân - Hè cho đến Thu.

Bộ Chính trị nêu rõ, để hoàn thành cách mạng dân tộc và dân chủ ở miền Nam, có thể chia làm hai giai đoạn: giai đoạn từ khi ta phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho đến khi giành được thắng lợi quyết định và kết thúc bằng một giải pháp chính trị; và giai đoạn từ khi giành được thắng lợi bằng một giải pháp chính trị cho đến sau này khi thống nhất Tổ quốc. Trên thực tế, cho đến khi thống nhất đất nước năm 1975, cách mạng miền Nam đã phát triển theo hai giai đoạn mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Trong bức Điện 182/B, ngày 29-3-1972, Bộ Chính trị đã nêu rõ khi ta đánh lớn, địch có thể phản ứng quyết liệt kể cả đánh phá ác liệt miền Bắc và thủ đoạn xảo quyệt về ngoại giao. Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, ngày 30-3-1972, cuộc tiến công bắt đầu trên chiến trường miền Nam với các chiến dịch lớn đồng thời diễn ra:

Chiến dịch Trị - Thiên là chiến dịch tiến công, từ ngày 30-3-1972 đến ngày 27-6-1972.

Là chiến dịch đánh tiêu diệt địch ở dã ngoại và tung thâm, phá thế co cụm, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng. Ngày 2-5-1972 giải phóng tỉnh Quảng Trị. Trong chiến dịch đã diệt và làm bị thương 27.000 lính, bắt 3.386 lính, phá hỏng 636 xe tăng, thiết giáp, 1.870 xe quân sự, 19 tàu chiến, 419 khẩu pháo các loại, 3 kho đạn, xăng dầu, bắn rơi, phá hỏng 340 máy bay, thu 194 khẩu pháo, 2.942 súng BB, 340 máy VTĐ. Chiến dịch này đã “Hạ quyết tâm chính xác, chọn hướng tiến công đúng, có cách đánh thích hợp, chủ động, bất ngờ tiến công địch, đạt hiệu suất chiến dịch cao. Giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị và 3 xã thuộc huyện Hướng Điền tỉnh Thừa Thiên. Hạ quyết tâm tiến công đợt ba thiếu cơ sở”⁵. Đặc biệt là cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt 81 ngày đêm (từ ngày 28-6-1972 đến ngày 16-9-1972) bảo vệ Thành cổ Quảng Trị.

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên với mục đích tiêu diệt bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng Kon Tum, bảo vệ tuyến vận chuyển chiến lược. Đây là chiến dịch tiến công kéo dài từ ngày 30-3-1972 đến ngày 5-6-1972. Diệt 3.800 quân ngụy, bắt 3.604 quân ngụy; bắn rơi 207 máy bay các loại, bắn cháy 849 xe quân sự (có 188 xe tăng), thu 4.434 súng các loại (15 khẩu 155 và 105mm)... Chiến dịch Bắc Tây Nguyên đã “Xác định hướng và phương thức tác chiến chiến dịch chính xác, giữ được yếu tố bí mật bất ngờ, giành thắng lợi lớn. Giải phóng một vùng đất đai rộng lớn với hàng vạn dân”⁶.

Chiến dịch Nguyễn Huệ (Đông Nam Bộ) là chiến dịch tiến công với mục đích tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực ngụy, giải phóng và giữ hai tỉnh Bình Long, Phước Long, tạo điều kiện cho đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven đô nổi dậy phá ấp, giành quyền làm

chủ. Chiến dịch này kéo dài nhất, từ ngày 30-3-1972 đến ngày 26-1-1973. Đã diệt 7.985 tên địch, 1.081 xe quân sự, bắt 5.381 tên, bắn chìm 201 tàu, phá 96.000 tấn bom đạn, 5.000 tấn chất độc hóa học, đốt 74 triệu lít xăng, bắn rơi, phá hủy 897 máy bay, thu 282 xe quân sự (12 xe tăng), 45 pháo, 6.837 súng các loại, 433 máy thông tin... Chiến dịch này đã “Hạ quyết tâm chiến dịch chính xác, tạo thế tạo lực giành quyền chủ động tiến công địch trong suốt quá trình chiến dịch. Thiếu dự kiến phát triển tình hình, đã bỏ lỡ thời cơ diệt địch. Chiến dịch kéo quá dài (10 tháng) ảnh hưởng đến sức chiến đấu của bộ đội”⁷.

Chiến dịch Bắc Bình Định (từ ngày 8-4-1972 đến ngày 2-6-1972) loại khỏi vòng chiến đấu 14.640 tên địch trong đó gần 5.000 tên bị bắt và ra hàng. Đây là “chiến dịch tiến công tổng hợp trên địa bàn ba huyện phía Bắc tỉnh Bình Định với hình thức kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tiến công và nổi dậy, tiêu diệt địch với đánh phá “bình định”, giành quyền làm chủ trên một khu vực rộng lớn, đạt hiệu quả chiến dịch tương đối lớn”⁸.

Chiến dịch tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long (khu VIII) (từ ngày 10-6-1972 đến ngày 10-9-1972) tiêu diệt 24.000 tên địch, bắt 1.342 tên, bắn rơi 60 máy bay, phá hủy 126 xe M113, 179 xe vận tải quân sự, 73 tàu,... “Là một chiến dịch tiến công tổng hợp lớn nhất ở miền Nam, trên địa bàn rộng, sử dụng lực lượng lớn, thời gian dài, giành thắng lợi lớn. Giải phóng 27 xã, 240 ấp với 240.000 dân”⁹.

Trên toàn chiến trường miền Nam, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra mạnh mẽ theo đúng sự chỉ đạo của NQTƯ 19 (3-1971), NQTƯ 20 (4-1972), nhất là chủ trương của Bộ Chính trị (ngày 27 và 29-3-1972) và đã giành được thắng lợi to lớn, tiêu hao sinh lực địch, tạo thế và lực mới cho cuộc kháng chiến.

Chỉ một tuần sau khi các cuộc tiến công diễn ra trên chiến trường miền Nam, ngày 6-4-1972, để cứu nguy cho nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon ra lệnh ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam, cho thả mìn ở các cảng và cửa sông miền Bắc. Ngày 16-4-1972, R.Nixon “tuyên bố chính thức mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Máy bay B.52 của Mỹ ném bom Hải Phòng”¹⁰. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mỹ có đặc điểm là đánh thẳng vào các thành phố lớn Hải Phòng, Hà Nội mà không leo thang từng bước như lần thứ nhất, cũng không

Thắng lợi của mặt trận quân sự và ngoại giao Việt Nam năm 1972 là minh chứng rõ ràng cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, góp phần quyết định vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, buộc Mỹ và các nước Đồng minh của Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, tiến lên đánh đổ hoàn toàn chính quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước năm 1975.

vừa đánh vừa thăm dò phản ứng của Liên Xô, Trung Quốc như lần trước và quy mô, cường độ ác liệt hơn, dùng B.52 đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và có những thủ đoạn mới như dùng thủy lôi phong tỏa Cảng Hải Phòng, ngăn chặn sự chi viện của quốc tế.

Mặt trận ngoại giao năm 1972 diễn ra căng thẳng, phức tạp khi mặt trận quân sự cũng vô cùng ác liệt trên cả nước. Đoàn đàm phán ở Paris của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn, Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ là cố vấn đặc biệt. Đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời

Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn. Các đoàn ta kiên trì và kiên cường, khôn khéo đấu tranh trên bàn đàm phán công khai và các cuộc gặp riêng, ghi nhớ chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đĩ bất biến, ứng vạn biến”.

Ngày 10-2-1972, “Tại phiên họp thứ 114, Trưởng đoàn Mỹ bộc lộ thái độ bức tức trước việc Đại hội thế giới vì hòa bình và độc lập của nhân dân Đông Dương họp tại Versailles (Paris) đã nhất trí bác bỏ kế hoạch hòa bình *Tám điểm* của Nixon và đòi chính quyền Nixon đáp ứng *Bảy điểm* của Chính phủ cách mạng lâm thời”¹¹.

Từ ngày 17 đến ngày 28-2-1972, Tổng thống Mỹ R.Nixon thăm Trung Quốc, hai bên ra Thông cáo chung Thượng Hải nói về vấn đề Đài Loan, Việt Nam và bình thường hóa quan hệ Mỹ - Trung. Ngày 24-2-1972, trong họp báo, Tổng thống Mỹ R.Nixon tuyên bố hoãn vô thời hạn các phiên họp công khai Hội nghị Paris về Việt Nam. Ngày 22-5-1972, Tổng thống Mỹ R.Nixon thăm Liên Xô. Hai bên ký Hiệp ước ABM, SALT-I và bàn vấn đề Việt Nam. Tổng thống Mỹ muốn Liên Xô, Trung Quốc tác động gây sức ép với Việt Nam cả về quân sự trên chiến trường và đàm phán ở Paris.

Lập trường có tính nguyên tắc của Việt Nam là: Mỹ xâm lược Việt Nam thì phải rút ngay, rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam, chấm dứt ném bom miền Bắc, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Kiên quyết bác bỏ lập trường sai trái của Mỹ đòi quân đội miền Bắc rút khỏi miền Nam; phía Việt Nam khẳng định bất kỳ vùng đất nào của Việt Nam có họa ngoại xâm, chia cắt thì người Việt Nam

có quyền đến và chiến đấu chống họa ngoại xâm và chia cắt.

Bộ Chính trị chỉ đạo chặt chẽ mặt trận quân sự và mặt trận ngoại giao hướng tới thắng lợi quyết định trong năm 1972. Ngày 1-6-1972, Bộ Chính trị nhấn mạnh kết hợp đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, buộc Mỹ chấp nhận chấm dứt chiến tranh và đạt được mục tiêu cơ bản của ta. Ngày 28-9-1972, đồng chí Lê Duẩn gửi điện về *những công tác cấp bách ở miền Nam* lưu ý: “trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, thắng lợi của đấu tranh quân sự, chính trị trên chiến trường là vấn đề quyết định; cố nhiên, biết nắm thời cơ sử dụng linh hoạt đấu tranh ngoại giao cũng là điều rất quan trọng”¹².

Cuộc gặp và thương lượng bí mật ngày 19-7-1972 giữa Lê Đức Thọ với Henry Kissinger (cố vấn của Tổng thống Mỹ) đi vào thực chất. Từ ngày 8 đến ngày 12-10-1972, đợt gặp riêng lần thứ 19 giữa Lê Đức Thọ, Xuân Thủy với H.Kissinger, Lê Đức Thọ trao cho H.Kissinger “Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Hai bên thảo luận và xác định lịch trình: ngày 18-10 Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc và ngày 19-10 ký tắt Hiệp định tại Hà Nội, ngày 26-10 ký chính thức ở Paris và ngày 27-10 ngừng bắn ở Nam Việt Nam. Ngày 20-10-1972, trong công hàm gửi Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tổng thống Mỹ tuyên bố “Văn bản Hiệp định xem như đã hoàn thành”.

Ngày 22-10-1972, lẩy cớ Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ Hiệp định, Mỹ lật lọng không ký như đã thỏa thuận và lập cầu hàng không tiếp tế vũ khí cho chính quyền Sài Gòn. Ngày 26-10-1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố các văn kiện mà Việt Nam và Mỹ đã thỏa thuận. Ngày 7-11-1972, R.Nixon tái đắc cử

Tổng thống. R.Nixon ra lệnh cắt đứt nói chuyện và hoạt động quân sự trở lại.

Những hành động của chính quyền Nixon đã bộc lộ đầy đủ bản chất hiếu chiến, ngoan cố kéo dài và mở rộng chiến tranh, chia cắt nước Việt Nam và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Phía Việt Nam đã tố cáo âm mưu đen tối đó để nhân dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới hiểu rõ sự thật. Việt Nam nêu cao cảnh giác sẵn sàng đập tan những bước leo thang quân sự của Mỹ, quyết tâm chiến đấu đến khi quân Mỹ phải rút hết khỏi Việt Nam, chính quyền Sài Gòn sụp đổ hoàn toàn.

R.Nixon đã trực tiếp ra lệnh tiến hành cuộc tập kích chiến lược trên không bằng máy bay B.52 ném bom rải thảm Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi ở miền Bắc Việt Nam từ ngày 18-12-1972. Mỹ gọi đó là “cuộc hành quân Linebacker II”. Quân, dân Việt Nam đã chủ động kiên cường đánh trả hành động tội ác phi nhân tính, giết hại dân thường Việt Nam, làm nên chiến thắng *Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không* (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972). Trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972, ta đã bắn rơi 81 máy bay Mỹ trong đó có 34 máy bay B.52.

Mỹ buộc phải trở lại đàm phán tại Hội nghị Paris. Ngày 13-1-1973, hai bên hoàn thành văn bản Hiệp định. Ngày 23-1-1973, cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và cố vấn H.Kissinger ký tắt Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 27-1-1973, Bộ trưởng ngoại giao bốn bên dự Hội nghị Paris: Nguyễn Duy Trinh (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), Nguyễn Thị Bình (Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), W.Roger (Mỹ) và Trần Văn Lắm (Việt Nam Cộng hòa) đã chính thức ký Hiệp định và ký 4 nghị định

thư liên quan. Ngày 29-3-1973, quân Mỹ hoàn toàn rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Mặt trận quân sự và ngoại giao của cách mạng Việt Nam năm 1972 đã giành thắng lợi to lớn, có ý nghĩa quyết định tạo tiền đề để giành thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975; đã thể hiện tính đúng đắn chủ trương của Đảng kết hợp chặt chẽ mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, vừa đánh vừa đàm. Thắng lợi và hy sinh lớn lao trên chiến trường quyết định thành công trên bàn đàm phán và thắng lợi ngoại giao đã phản ánh đúng đắn thắng lợi trên chiến trường. Ngoại giao Việt Nam thể hiện sức mạnh chính nghĩa, trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam và cũng là tư tưởng, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh được thực hiện sáng tạo và thành công.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 32, tr. 196

2, 3, 4, 12. *Sđđ*, T. 33, tr. 209, 210, 211, 368

5, 6, 7, 8, 9. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 551, 549, 552, 553, 554

10, 11. Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 532, 531.